



xíng zōng

行踪

noun · whereabouts; trace

Example Sentence

jǐng fāng zhèng zài diào chá xián yí rén de xíng zōng
警方正在调查嫌疑人的行踪。

The police are investigating the suspect's
whereabouts.

Trace each character, then write the word on your own.

行	行	行	行	行	行	行	行	行		
踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪
踪	踪	踪	踪	踪	踪	踪				